

Bản án số: 111/2025/DS-PT
Ngày : 03 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2024/TLPT – DS ngày 13 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp thừa kế”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2025/QĐPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Hà Thanh V, sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, tạm trú tại: số D, Phạm Thái B, Khóm A, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lâm Hà Bích N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lâm Hà K, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số nhà A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Ông Lâm Hà Vân H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số nhà B, Khóm A, thị trấn L, L, Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Bà Lâm Thanh L1, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số nhà A, Đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

4. Ông Lâm Hà Thanh H1; sinh năm 1965; nơi cư trú: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

5. Bà Lâm Hà Minh C; sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà C, ấp T, xã T, L, Vĩnh Long (vắng mặt).

6. Ông Lâm Hà Bảo Q; sinh năm 1975; nơi cư trú: A35/11 ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

7. Ông Lâm Hà Thanh M, sinh năm 1963, đã chết năm 1980 không có vợ con.

8. Bà Nguyễn Thị Bé C1; sinh năm 1974; nơi cư trú: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

9. Em Lâm Anh T, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

10. Em Lâm Tâm N1, sinh năm 2008; nơi cư trú: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đại diện hợp pháp cho em N1: ông Lâm Hà Bích N và bà Nguyễn Thị Bé C1 (là cha và mẹ em N1) (có mặt). Cùng cư trú: Số A, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

11. Bà Lâm Thị Thu T1 (vắng mặt).

12. Anh Lâm Thanh S (vắng mặt).

13. Anh Lâm Thanh L (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường N, Phường E, thành phố V.

4. Người kháng cáo: Bà Lâm Hà Thanh V (nguyên đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2020, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung sau đó bà Lâm Hà Thanh V trình bày:

Cha bà là cụ Lâm N2 chết năm 2019, mẹ bà là cụ Hà Thị C2 chết năm 2016, cụ N2 và cụ C2 không có con nuôi, không có con riêng, có 09 người con ruột gồm:

1. Lâm Hà K, sinh năm 1955;
2. Lâm Hà Vân H, sinh năm 1956;
3. Lâm Hà Thanh V, sinh năm 1958;
4. Lâm Hà Thanh L1, sinh năm 1960;
5. Lâm Hà Thanh H1, sinh năm 1965;
6. Lâm Hà Minh C, sinh năm 1969;
7. Lâm Hà Bích N, sinh năm 1973;
8. Lâm Hà Bảo Q, sinh năm 1975;
9. Lâm Hà Thanh M, sinh năm 1963 chết năm 1980 không có vợ con.

Ông bà nội và ông bà ngoại của bà đã chết từ lâu.

Cụ N2 và cụ C2 chết không để lại di chúc, di sản của 02 cụ để lại gồm: 03 căn nhà kết cấu mái tole, vách tole liền nhau trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 186,6m² tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và 01 lượng vàng 24k. Thửa đất 261 được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ L vào ngày 16/7/2015.

Bà V tự xác định giá trị tài sản như sau: Diện tích đất 186,6m² x 1.400.000đ/m² = 261.240.000 đồng; 03 căn nhà liền kề trên thửa đất giá trị =

300.000.000 đồng; 01 lượng vàng 24k = 54.000.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 615.240.000 đồng. Bà V yêu cầu chia thừa kế di sản làm 08 phần, trong đó phần bà được hưởng 1/8 tương đương số tiền 76.905.000 đồng. Bà yêu cầu ông N trả số tiền này cho bà vì hiện nay ông N đang ở trong nhà trên thửa đất này và khi cụ N2 chết ông N giữ số vàng 01 lượng vàng 24K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông N trả lại toàn bộ tài sản cho bà là 03 căn nhà gắn liền với thửa đất số 261 vì bà cho rằng căn cứ và “Tờ khai nguồn gốc đất” mà cụ Lâm N2 ghi vào ngày 22/8/2016 thì thời điểm cụ N2 mua thửa đất trên cụ N2 mượn tiền của ông Hà Văn B1 (cậu ruột bà V) sau đó cụ N2 và cụ C2 đưa bà lên Thành Phố Hồ Chí Minh để làm thuê cho ông B1 trả nợ, khi cụ N2 hấp hối cụ N2 chỉ chỗ cho bà lấy tờ khai này, do đó tài sản này là của cá nhân bà chứ không phải của cụ N2 và cụ C2. Bà yêu cầu những người đang sinh sống trên thửa đất này gồm: ông N, bà C1, ông H1, Anh T, Tâm N1 phải di dời tài sản ra khỏi 03 căn nhà trên để trả nhà và đất cho bà. Đối với 01 lượng vàng 24K thì yêu cầu ông N chia cho bà giá trị bằng 1/8.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Hà Bích N trình bày: Về quan hệ huyết thống của cụ N2 và cụ C2 (cha mẹ ông) như bà V trình bày là đúng, cha mẹ ông không có con nuôi và ông bà nội, ngoại của ông đã mất từ lâu.

Về di sản thừa kế: Khi cha mẹ ông chết có để lại 03 căn nhà nằm trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 186,6m² tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là đúng. Đối với số vàng 01 lượng 24K bà V trình bày không đúng, vì khi cụ C2 chết có để lại 06 chỉ vàng 24K nhưng lúc cụ N2 bệnh mấy chị của ông kêu ông bán để lo cho cụ N2 nên ông và vợ của ông đã bán hết 06 chỉ vàng lo trị bệnh cho cụ N2, nay không còn vàng để chia thừa kế theo yêu cầu của bà V.

Cụ C2 không để lại di chúc, nhưng đối với cụ N2 thì trước khi chết (năm 2019) vào ngày 14/8/2013 có lập di chúc nhưng không có người chứng kiến và cũng không có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực, có giấy khám sức khỏe ngày 19/8/2013 do Trung tâm giám định y khoa Sở Y cấp. Đến ngày 26/8/2013 cụ N2 có để lại di ngôn bằng văn bản không có người chứng kiến và cũng không có cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực, sau đó ngày 12/12/2015 cụ N2 có làm “Tờ ủy quyền quản lý nhà đất hương hỏa” cho ông, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường D nên ông không đồng ý chia thừa kế nhà đất trên theo yêu cầu của bà V. Trong trường hợp Tòa án xét thấy Tờ di chúc và Tờ ủy quyền quản lý nhà đất hương hỏa của cụ N2 không có giá trị pháp lý thì ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với 03 căn nhà và đất tại thửa đất số 261 cho các anh chị em của ông. Trong trường hợp bà V có đầy đủ chứng cứ cho rằng nhà và đất là của cá nhân bà V thì ông và vợ con ông đồng ý di dời tài sản ra khỏi nhà để trả tài sản trên cho bà V, nếu bà V không có đủ chứng cứ thì yêu cầu Tòa án bác bỏ yêu cầu của bà V.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

* Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lâm Hà K trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 28/7/2022: Về quan hệ huyết thống V và N trình bày là đúng. Về di sản thừa kế: Khi cha mẹ ông chết có để lại 03 căn nhà trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 186,6m² tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là đúng và cũng không để lại di chúc. Đối với số vàng thì ông có nghe nói nhưng ông không biết số lượng là bao nhiêu, loại vàng gì và cũng không biết ai đang quản lý. Ông yêu cầu chia thừa kế thửa đất 261 làm 8 kỷ phần, ông được nhận một phần theo giá trị hay hiện vật tùy theo quyết định của Tòa. Kỷ phần của ông được hưởng ông tự nguyện cho lại bà V. Ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

Ông Lâm Hà Vân H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 05/8/2022: Về quan hệ huyết thống V và N trình bày là đúng. Về di sản thừa kế: Khi cha mẹ ông chết có để lại 03 căn nhà nằm trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 186,6m² tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là đúng và cũng không để lại di chúc. Đối với số vàng ông không biết chính xác chỉ nghe nói lúc cụ C2 mất có để lại 06 chỉ vàng 24K, nhưng khi cụ N2 bệnh thì N và C1 đã bán lo cho cụ N2 rồi. Ông không đồng ý chia thừa kế nhà và đất trên để làm nơi thờ cúng nhưng trong trường hợp Tòa án quyết định chia thừa kế thì ông yêu cầu chia thửa đất 261, tờ bản đồ số 6 làm 8 kỷ phần, ông yêu cầu được nhận một kỷ phần bằng giá trị. Ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

Bà Lâm Thanh L1 trình bày tại biên bản hòa giải ngày 11/3/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023: Về quan hệ huyết thống chị V và N trình bày là đúng. Về di sản thừa kế: Khi cha mẹ bà chết có để lại 03 căn nhà nằm trên thửa đất số 261 là đúng, cụ N2 và cụ C2 có để lại di chúc hay không bà không biết. Đối với số vàng 01 lượng vàng 24K mà bà V trình bày là không đúng, khi cụ C2 mất năm 2016 thì có 06 chỉ vàng 24K, nhưng lúc cụ N2 còn sống cụ N2 có bệnh nên Lâm Hà Minh C có kêu Nguyễn Thị Bé C1 (vợ N) bán để lo cho cụ N2 nên nay không còn vàng để chia. Bà đồng ý chia thừa kế nhà và đất thuộc thửa 261 làm 8 kỷ phần, bà yêu cầu được nhận một kỷ phần nhưng bà giao phần của bà cho ông N với điều kiện N chỉ quản lý, sử dụng không được chuyển nhượng với bất kỳ hình thức nào. Bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Hà Thanh H1 trình bày: Về quan hệ huyết thống chị V và N trình bày là đúng. Về di sản thừa kế: Khi cha mẹ ông chết có để lại 03 căn nhà nằm trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 186,6m² tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là đúng, cụ N2 và cụ C2 có để lại di chúc hay không ông không biết. Đối với số vàng 01 lượng vàng 24K mà bà V trình bày là không đúng, khi cụ C2 mất năm 2016 thì có 06 chỉ vàng 24K, nhưng lúc cụ N2 còn sống cụ N2 có bệnh nên Lâm Hà Minh C có kêu Nguyễn Thị Bé C1 (vợ N) bán để lo cho cụ N2 nên không còn vàng để chia. Ông không đồng ý chia thừa kế nhà và đất thuộc thửa 261 vì hiện tại ông đang ở trên phần đất này, ông yêu cầu giao thửa đất trên cho ông N quản lý để thờ cúng ông bà

theo di nguyện của cụ N2. Ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm Hà Minh C trình bày: Về quan hệ huyết thống chị V và N trình bày là đúng. Về di sản thừa kế: Khi cha mẹ bà chết có để lại 03 căn nhà nằm trên thửa đất số 261 là đúng, cụ N2 và cụ C2 có để lại di chúc hay không bà không biết. Đối với số vàng 01 lượng vàng 24K mà bà V trình bày là không đúng, khi cụ C2 mất năm 2016 thì có 06 chỉ vàng 24K, nhưng lúc cụ N2 còn sống cụ N2 có bệnh nên bà là người kêu Nguyễn Thị Bé C1 (vợ N) bán để lo cho cụ N2 nên không còn để chia. Bà đồng ý chia thừa kế nhà và đất thuộc thửa 261, tờ bản đồ số 6 làm 8 kỷ phần, bà yêu cầu được nhận một phần nhưng bà giao lại phần của bà cho ông N với điều kiện N chỉ quản lý, sử dụng không được chuyển nhượng với bất kỳ hình thức nào. Bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Hà Bảo Q trình bày: Về quan hệ huyết thống chị V và N trình bày là đúng. Về di sản thừa kế: Khi cha mẹ ông chết có để lại 03 căn nhà nằm trên thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 186,6m² tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là đúng, khi cụ C2 chết không có để lại di chúc nhưng khi cụ N2 chết thì có để lại di chúc viết tay. Đối với số vàng 01 lượng vàng 24K mà bà V trình bày là không đúng, khi cụ C2 mất năm 2016 thì có 06 chỉ vàng 24K, nhưng lúc cụ N2 bệnh ông có kêu ông N và bà C1 (vợ ông N) bán để lo cho cụ N2 nên không còn để chia. Ông không đồng ý chia thừa kế nhà và đất thuộc thửa 261, tờ bản đồ số 6 vì có di chúc của cụ N2 để lại. Trong trường hợp di chúc không hợp lệ, ông đồng ý chia nhà và đất làm 8 kỷ phần, ông yêu cầu được nhận một phần nhưng ông giao lại phần của ông cho ông N với điều kiện như thế nào thì ông và ông N sẽ thỏa thuận sau. Ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

Bà Nguyễn Thị Bé C1: Thống nhất với lời trình bày với ông N.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/01/2023 Bà Lâm Thị Thu T1, anh Lâm Thanh L và Lâm Hà Thanh S trình bày: bà T1 là vợ của ông H1 đến năm 2009 bà và ông H1 đã ly hôn, bà T1 dẫn 02 con là Lâm Thanh L và Lâm Hà Thanh S về nhà cha mẹ của bà sinh sống cho đến nay. Khi bà T1 và ông H1 cưới nhau xong bà và ông H1 về sống ở căn nhà ngoài cùng (sát đường công cộng) trên thửa đất số 261, lúc bà ở thì 03 căn nhà hiện trạng là nhà lá, vách lá và cây, mái tole, nền đất, sau này mới nâng nền lót gạch tàu. Trong suốt thời gian sinh sống tại thửa đất trên bà không có đóng góp công sức hay tiền của vào việc tạo lập tài sản nên bà T1, anh L và anh S không yêu cầu chia cho bà T1, anh L và anh S nhà và đất tại thửa 261, mà chỉ yêu cầu chia cho ông H1 một phần để ông H1 chia lại cho L và S.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lâm Hà Thanh V yêu cầu: ông N giao trả cho bà toàn bộ 03 căn nhà gắn liền thửa đất số 261, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 165,4m², yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với 01 lượng vàng 24K (10 chỉ) của cụ C2 và cụ N2 chết để lại hiện ông N đang giữ. Bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021.

Ông Lâm Hà Bích N yêu cầu công nhận Tờ di chúc ngày 14/8/20213 và Tờ ủy quyền quản lý nhà đất hương hỏa ngày 22/12/2015 là hợp pháp, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N2 và cụ C2 là toàn bộ căn nhà gắn liền thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo di chúc. Trong trường hợp, Tờ di chúc ngày 14/8/20213 và Tờ ủy quyền quản lý nhà đất hương hỏa ngày 22/12/2015 không hợp pháp thì ông yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ theo pháp luật. Ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021. Không đồng ý việc chia thừa kế 01 lượng vàng 24K.

Bà Lâm Thanh L1 đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021. Đối với kỷ phần thừa kế của bà Tòa án quyết định cho bà nhận giá trị hay hiện vật bà đều đồng ý. Đối với lời trình bày của bà V thì bà xác định, cụ N2 có mượn tiền của ông B1 300.000 đồng để mua nhà đất hiện nay, vào năm 1973 bà và bà V có lên nhà của ông Hà Văn B1 để phụ việc nhà cho ông B1, ông B1 có trừ tiền công của bà và bà V cho ông N2 là có nhưng bà không biết là bao nhiêu, nhưng đến năm 1975 thì bà và bà V về nhà lại không còn làm cho ông B1. Không đồng ý chia 01 lượng vàng 24K.

Ông Lâm Hà Thanh H1, bà Lâm Hà Minh C, ông Lâm Hà Bảo Q đồng ý chia thừa kế 03 căn nhà gắn liền thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6 theo pháp luật; đồng ý với kết quả đo đạc ngày 09/12/2021 và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/12/2021. Đối với kỷ phần thừa kế của ông, bà Tòa án quyết định như thế nào ông bà đều đồng ý nhận. Không đồng ý chia một lượng vàng 24K.

Tại Bản án sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Hà Thanh V.

Giao cho ông Lâm Hà Bích N 03 căn nhà gắn liền thửa đất 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 165,4m2 tọa lạc K, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Kèm trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2021). Ông Lâm Hà Bích N được hưởng di sản thừa kế là 56.464.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L Hà Thanh V giá trị di sản thừa kế là 40.824.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lâm Hà Vân H giá trị di sản thừa kế là 20.412.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng).

Ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lâm Thanh L1 giá trị di sản thừa kế là 20.412.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng).

Ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lâm Hà Thanh H1 giá trị di sản thừa kế là 56.464.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lâm Hà Minh C giá trị di sản thừa kế là 20.412.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng).

Ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lâm Hà Bảo Q giá trị di sản thừa kế là 56.464.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Ông Lâm Hà Bích N liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Hà Bích N về việc công nhận Tờ di chúc ngày 14/8/2013 và Tờ ủy quyền quản lý nhà đất hương hỏa ngày 12/12/2015 là hợp pháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 14/8/2024 bà Lâm Hà Thanh V nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp thúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận cho bà được hưởng thừa kế bằng hiện vật để bà có nhà ở.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không yêu cầu định giá đất theo giá thị trường, thống nhất lấy giá của cấp sơ thẩm đã định làm căn cứ giải quyết vụ án.

Các đương sự thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: chia cho ông Lâm Hà Bích N được quyền sử dụng thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 165,4m² tọa lạc K, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm 03 căn nhà liền kề, ông N có nghĩa vụ hoàn tiền giá trị tài sản cho bà V tổng cộng bằng 150.000.000 đồng để bà V tìm chỗ ở khác, các phần còn lại giữ nguyên như án sơ thẩm không có kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, bà V không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm, đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn bà Lâm Hà Thanh V có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung.

[2.1] Các đương sự trong vụ án thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ N2 và cụ C2 gồm: Lâm Hà K, Lâm Hà Vân H, Lâm Hà Thanh V, Lâm Hà Thanh L1, Lâm Hà Thanh H1, Lâm Hà Minh C, Lâm Hà Bích N, Lâm Hà Bảo Q và Lâm Hà Thanh M. Ông Lâm Hà Thanh M chết năm 1980 không có vợ con.

Tài sản đương sự tranh chấp với nhau gồm: 03 gian nhà liền kề gắn với quyền sử dụng đất thửa 261, tờ bản đồ số 6, diện tích (theo đo đạc thực tế) là 165,4m² loại đất ở và trồng cây lâu năm tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận: chia cho ông Lâm Hà Bích N được quyền sử dụng thửa đất số 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 165,4m² tọa lạc K, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm 03 căn nhà liền kề, ông N có nghĩa vụ hoàn tiền giá trị tài sản cho bà V tổng cộng bằng 150.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do đó, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, ông Lâm Hà Thanh H1 hiện đang sinh sống trong căn nhà đang tranh chấp, án sơ thẩm xử công nhận cho ông N được sở hữu nhà, buộc ông N hoàn tiền giá trị kỹ phần cho ông H1 nhưng không buộc ông H1 di dời tài sản cá nhân để giao nhà đất cho ông N là thiếu sót, dẫn đến kho khăn cho công tác thi hành án. Do đó, cấp phúc thẩm cần khắc phục phần này.

[3] Án phí:

Án phí sơ thẩm: do bà V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bà V có căn cứ chấp nhận một phần.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lâm Hà Thanh V.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 468, 457, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 31, 137 Luật đất đai năm 2024; các điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chia cho ông Lâm Hà Bích N được quyền sử dụng thửa đất 261, tờ bản đồ số 6, diện tích 165,4m² loại đất ở và trồng cây lâu năm (trong đó có 120m² đất ở, 45,4m² đất trồng cây lâu năm) tại Khóm C, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và sở hữu tài sản trên đất gồm 03 căn nhà liền kề (sơ đồ vị trí thửa đất và tài sản gắn liền trên đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long kèm theo).

Ông Lâm Hà Bích N có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

2. Buộc ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ trả tiền giá trị kỷ phần cho bà Lâm Hà Thanh V bằng 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Buộc ông Lâm Hà Thanh H1 di dời tài sản cá nhân để giao nhà đất cho ông Lâm Hà Bích N.

4. Án phí phúc thẩm: bà Lâm Hà Thanh V không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: Buộc ông Lâm Hà Bích N có nghĩa vụ hoàn tiền cho: ông Lâm Hà Vân H, bà Lâm Thanh L1, ông Lâm Hà Thanh H1, bà Lâm Hà Minh C, ông Lâm Hà Bảo Q; án phí sơ thẩm; chi phí tố tụng không có kháng cáo, không có kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Văn phòng TAND tỉnh VL;
- TAND Tp Vĩnh Long;
- Chi cục THADS Tp Vĩnh Long;
- Đường sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi